

Tăng tỷ trọng

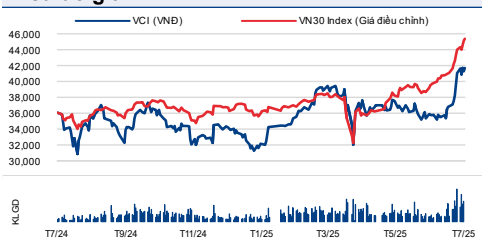
Giá mục tiêu: VNĐ40,600

Tiềm năng tăng/giảm: -2.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/7/2025)	41,700
Mã Bloomberg	VCI VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	30,883-41,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	41,450
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	23,936
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	915
Sig CP lưu hành (tr.đv)	574
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	574
Sig CP NN được mua (tr.đv)	433
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	Securities Group Inc. (27.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	26,592	25,056	28,052
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	11,222	12,905	15,228
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	3,696	3,893	4,215
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	912	1,142	1,498
BVPS (đồng)	18,003	18,207	18,722
EPS (đồng)	1,478	1,584	2,063
DPS (đồng)	800	1,200	1,400
T.trưởng tổng tài sản (%)	54.1	(5.78)	12.0
T.trưởng c.vay KQ (%)	40.4	15.0	18.0
T.trưởng DT HĐ (%)	49.5	5.33	8.27
Tăng trưởng EPS (%)	70.6	7.16	30.3
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	50.0	16.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	54.1	75.8	67.9
ROAE (%)	8.98	8.74	11.2
ROAA (%)	4.16	4.42	5.64
Tỷ lệ CIR (%)	50.4	38.3	30.3
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.09	0.10	0.10
Vòng quay tổng TS (%)	16.9	15.1	15.9
Đòn bẩy vốn (%)	205	190	206
Thị phần môi giới CP (%)	6.10	6.50	6.70
P/E (lần)	28.2	26.3	20.2
P/B (lần)	2.32	2.29	2.23
Lợi suất cổ tức (%)	1.92	2.88	3.36

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VCI là một công ty chứng khoán tập trung vào nhóm khách hàng tổ chức và khách có gia sản lớn. IB là lợi thế lớn của công ty với nhiều thương vụ thành công.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

KQKD Q2 thấp hơn dự báo do lãi hoạt động tự doanh thấp

- LNTT Q2/2025 của VCI đạt 211 tỷ đồng, giảm 38% so với cùng kỳ và giảm 40% so với quý trước, do lãi hoạt động tự doanh kém tích cực (giảm 73% so với cùng kỳ) trong khi lãi từ cho vay ký quỹ và lợi nhuận nghiệp vụ môi giới tăng lần lượt 10% và 33% so với cùng kỳ.
- LNTT Q2/2025 chỉ hoàn thành 65% dự báo Q2 của chúng tôi. LNTT 6 tháng đầu năm 2025 đạt 567 tỷ đồng, giảm 1%, hoàn thành 42% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 13% trong 1 tháng qua, VCI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 22,2 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 18,8 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

VCI đã công bố LNTT Q2/2025 đạt 211 tỷ đồng (giảm 38% so với cùng kỳ và giảm 40% so với quý trước), thấp hơn 35% so với dự báo của chúng tôi, do lãi hoạt động tự doanh giảm xuống 72 tỷ đồng (giảm 73% so với cùng kỳ) trong khi lãi từ cho vay ký quỹ và lợi nhuận nghiệp vụ môi giới vẫn khiêm tốn (tăng lần lượt 10% và 33% so với cùng kỳ).

Trong 6 tháng đầu năm 2025, LNTT đạt 567 tỷ đồng, giảm 1% so với cùng kỳ, hoàn thành 42% dự báo cả năm và thấp hơn 6 tháng của chúng tôi.

Mảng cho vay ký quỹ tăng trưởng vừa phải

Lãi từ cho vay ký quỹ tăng 10% so với cùng kỳ đạt 258 tỷ đồng trong Q2/2025, đi ngang so với quý trước, nhờ dư nợ cho vay ký quỹ tăng lên 11,3 nghìn tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước). Dư nợ cho vay ký quỹ tăng lên so với quý trước tăng khoảng 7% so với quý trước đạt tổng cộng 292 nghìn tỷ đồng, cùng nhưng tốt hơn một chút so với xu hướng chung của ngành, dẫn đầu là các CTCK lớn như SSI (Mua vào, giá mục tiêu 29.500đ, tăng 22% so với quý trước) & TCBS (Tư nhân/Chưa niêm yết, tăng 11% so với quý trước) với dư nợ ký quỹ đạt mức cao kỷ lục.

Mặc dù dư nợ cho vay ký quỹ tăng trưởng tốt, tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên vốn CSH của VCI đã tăng lên 90% (từ mức 80% trong Q1/2025, sau khi phát hành cổ phiếu riêng lẻ), vẫn thấp hơn bình quân ngành (khoảng 102%). Chúng tôi nhận thấy tăng trưởng dư nợ cho vay ký quỹ của VCI khá khiêm tốn sau khi nền vốn được củng cố.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2025, VCI

LNTT 6 tháng đầu năm của VCI hoàn thành 42% kế hoạch cả năm, thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% sv cùng kỳ	6T24	6T25	% sv cùng kỳ	% dự báo của HSC
Tổng thu nhập HĐ	557	387	-31%	993	925	-7%	36%
Môi giới	46	61	33%	61	78	28%	33%
Cho vay ký quỹ	234	258	10%	415	515	24%	44%
HĐ tự doanh	271	72	-73%	527	325	-38%	30%
Khác	6	(3)		(10)	29		48%
Lỗ tài chính	(181)	(149)	-18%	(360)	(324)	-10%	31%
Chi phí HĐ	(34)	(27)	-21%	(64)	(49)	-23%	32%
Thu nhập khác	3	0		0	1		33%
LNTT	344	211	-39%	571	567	-1%	42%
Lợi nhuận thuần	279	184	-34%	477	479	0%	42%

Nguồn: VCI, HSC

Lãi suất cho vay ký quỹ và chi phí huy động gần như đi ngang so với quý trước lần lượt ở mức 9,6% và 6,1% trong Q2/2025. Nhờ đó, tỷ lệ NIM mảng cho vay ký quỹ của VCI được duy trì ở mức 3,5% trong Q2/2025. Lãi từ cho vay ký quỹ của VCI trong nửa đầu năm 2025 đạt 515 tỷ đồng, hoàn thành 44% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Mảng tự doanh: Sụt giảm mạnh do thị trường biến động

Lãi hoạt động tự doanh Q2/2025 giảm 73% so với cùng kỳ (giảm 71% so với quý trước) xuống 72 tỷ đồng, chủ yếu do lỗ thuần bán tài sản tài chính FVTPL 12 tỷ đồng, so với lãi 200 tỷ đồng trong Q1/2025 và 249 tỷ đồng trong Q2/2024.

Tính đến cuối Q2/2025, danh mục đầu tư FVTPL của VCI chủ yếu tăng thêm TPDN (từ 198 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2025 lên 713 tỷ đồng) trong khi danh mục cổ phiếu giảm từ 824 tỷ đồng xuống 32 tỷ đồng. Theo chúng tôi, việc hạ tỷ trọng mảng đầu tư cổ phiếu trong một quý đầy biến động (do thông báo về thuế quan của Mỹ) đã gây ra khoản lỗ đầu tư.

Danh mục đầu tư AFS tăng nhẹ 3% so với quý trước (giảm 9% so với cùng kỳ) đạt 7,8 nghìn tỷ đồng, chủ yếu vẫn bao gồm các cổ phiếu vốn hóa lớn như FPT (Mua vào, giá mục tiêu 160.800đ), STB (Mua vào, giá mục tiêu 41.000đ) và KDH (Mua vào, giá mục tiêu 42.000đ). VCI vẫn tiếp tục nắm giữ các khoản đầu tư PE dài hạn và có lãi bao gồm CTCP Sữa Quốc tế (IDP, Chưa khuyến nghị) và Tổng công ty Thanh toán Việt Nam (NAPAS; Chưa khuyến nghị).

Lãi hoạt động tự doanh trong 6 tháng đầu năm 2025 đạt 325 tỷ đồng, giảm 38% so với cùng kỳ và chỉ hoàn thành 30% dự báo cả năm của chúng tôi. HSC cho rằng thanh khoản sẽ tiếp tục cải thiện trong 6 tháng cuối năm 2025 và giúp nâng cao lợi nhuận mảng tự doanh.

Mảng nghiệp vụ môi giới ghi nhận kết quả mạnh mẽ

Doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng 22% so với cùng kỳ (và tăng 48% so với quý trước) trong Q2/2025, đạt 221 tỷ đồng, trong đó giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 42% so với quý trước (đi ngang so với cùng kỳ) đạt 24,7 nghìn tỷ đồng từ 17,6 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025. Thị phần của VCI đi ngang so với quý trước ở mức 6,8% trong Q2/2025. Trong khi đó, chi phí nghiệp vụ môi giới tăng 19% so với cùng kỳ (và tăng 22% so với quý trước) lên 161 tỷ đồng.

Do đó, tỷ lệ phí giữ lại của VCI (phí thuần trên phí gộp) tăng lên 27% từ 12% trong Q1/2025 và 25% trong Q2/2024. Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới tăng lên 61 tỷ đồng từ 46 tỷ đồng trong Q2/2024 và 17 tỷ đồng trong Q1/2025.

Lợi nhuận nghiệp vụ môi giới 6 tháng đầu năm 2025 đạt 78 tỷ đồng (tăng 28% so với cùng kỳ), hoàn thành 33% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, nếu VCI tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng trong nửa cuối năm 2025 như trong Q2/2025, Công ty nhiều khả năng sẽ hoàn thành dự báo của chúng tôi.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Nhìn chung, VCI khá thận trọng trong Q2/2025 thể hiện qua mảng cho vay ký quỹ và tự doanh, từ đó khiến KQKD 6 tháng đầu năm 2025 thấp hơn so với dự báo. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng tình hình thanh khoản 6 tháng cuối năm 2025 cải thiện cùng tiềm năng được nâng hạng thị trường sẽ giúp củng cố lợi nhuận của VCI.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 13% trong 1 tháng qua, VCI đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 22,2 lần, cao hơn 1,3 độ lệch chuẩn so với bình quân từ Q4/2020 ở mức 14,8 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 18,8 lần.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKĐK (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu HĐ môi giới CK	535	730	750	1,006	1,210
Lãi cho vay ký quỹ	689	873	1,182	1,407	1,709
Doanh thu HĐ tự doanh	1,196	2,027	1,868	1,677	2,134
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	27.0	34.0	57.0	86.0	129
Thu nhập HĐ khác	26.0	32.0	36.0	39.0	43.0
Doanh thu HĐ	2,473	3,696	3,893	4,215	5,225
Chi phí HĐ	(1,186)	(1,862)	(1,490)	(1,278)	(1,823)
Lợi nhuận HĐ	1,287	1,834	2,403	2,937	3,402
Lợi nhuận tài chính	(716)	(747)	(1,048)	(1,158)	(1,299)
Lợi nhuận khác	0	3.00	3.00	3.00	3.00
LNTT	571	1,090	1,358	1,782	2,106
Chi phí thuế TNDN	(78.0)	(179)	(217)	(285)	(337)
LNST	493	911	1,141	1,497	1,769
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	494	912	1,142	1,498	1,770

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	788	4,744	1,189	1,244	2,465
Phải thu	849	393	404	542	652
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	441	282	291	396	480
Tài sản tài chính	15,097	21,073	23,066	25,738	29,187
FVTPL	122	846	931	1,043	1,199
HTM	381	598	658	724	796
Cho vay ký quỹ	7,992	11,222	12,905	15,228	18,273
AFS	6,604	8,409	8,575	8,746	8,921
Dự phòng	(2.17)	(2.17)	(2.17)	(2.17)	(2.17)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	23.4	37.3	41.0	45.1	49.6
Tài sản khác	57.3	63.0	64.8	86.9	105
Tổng tài sản	17,255	26,592	25,056	28,052	32,939
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	8,979	12,574	10,771	12,926	16,804
Trái phiếu ngắn hạn	120	0	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	785	1,074	1,104	1,480	1,781
Nợ phải trả	9,884	13,648	11,876	14,406	18,585
Vốn chủ sở hữu	7,371	12,944	13,182	13,646	14,358
Vốn điều lệ	4,375	7,181	7,242	7,292	7,342
Thặng dư vốn cổ phần	13.5	2,594	2,606	2,606	2,606
Lợi nhuận giữ lại	1,308	797	755	1,057	1,566
Quỹ & vốn khác của CSH	1,675	2,372	2,580	2,694	2,844
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0.01	(1.69)	(2.54)	(3.38)
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	17,255	26,592	25,056	28,052	32,939

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	21.2	54.1	(5.78)	12.0	17.4
Tăng trưởng cho vay (%)	51.4	40.4	15.0	18.0	20.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	(6.99)	10.1	2.81	34.1	20.3
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	41.9	40.0	(14.3)	20.0	30.0
Tăng trưởng VCSH (%)	13.5	75.6	1.84	3.54	5.20
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	(21.6)	49.5	5.33	8.27	24.0
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	19.6	57.0	20.0	14.2	42.6
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	(23.4)	42.5	31.0	22.2	15.8
Tăng trưởng LNTT (%)	(46.1)	90.9	24.6	31.2	18.2
Tăng trưởng LNST (%)	(43.3)	84.8	25.2	31.2	18.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	(43.2)	84.6	25.2	31.2	18.2
Định giá					
P/E (lần)	48.1	28.2	26.3	20.2	17.2
P/B (lần)	3.22	2.32	2.29	2.23	2.13
Lợi suất cổ tức (%)	2.88	1.92	2.88	3.36	3.36
Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	867	1,478	1,584	2,063	2,421
DPS (đồng)	1,200	800	1,200	1,400	1,400
BVPS (đồng)	12,932	18,003	18,207	18,722	19,561
Sig CP bình quân (triệu đv)	570	617	721	726	731
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	439	719	724	729	734
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	570	719	721	726	731
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	3.14	4.16	4.42	5.64	5.80
ROAE (%)	7.12	8.98	8.74	11.2	12.6
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	10.4	9.10	9.80	10.0	10.2
Chi phí vay nợ BQ (%)	7.00	7.10	6.40	6.40	6.50
Phí môi giới thuần (%)	0.02	0.02	0.03	0.03	0.03
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	48.0	50.4	38.3	30.3	34.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	138	54.1	75.8	67.9	57.8
Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	4.60	6.10	6.50	6.70	6.80
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	-	-	-	-	-
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn